

Bản án số: 51/2026/DS-ST

Ngày 06/6/2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC T - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phù Thọ Bồn

2. Bà Lê Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực
T - tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm Sát nhân dân khu vực T – An Giang tham gia phiên
tòa:** Ông Hà Duy Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực T – An Giang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm
2025 về: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
136/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266 – 268 N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám
đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Lê N, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ

Địa chỉ: 278 N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 4992/2024/UQ-TGD ngày 01/7/2024

Có đơn xin vắng mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 09/9/2025

Địa chỉ: Ấp K, xã G, tỉnh An Giang

Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án đại diện Ngân hàng TMCP S, ông Thân Lê N trình bày:

Ngày 28/11/2018, bà Nguyễn Phạm Anh T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.563.096đ (hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.480.000đ (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 14.721.246đ (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/tháng (= lãi suất trong hạn 2.6% x 150% theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau khi thẻ bị quá hạn, bà T có thanh toán thêm vào thẻ 03 lần với tổng số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), nên dư nợ gốc hiện còn lại là 11.721.246đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Tạm tính đến ngày 07/05/2026, bà T còn nợ các khoản sau:

Dư nợ gốc: 11.721.246đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Lãi quá hạn: 36.998.486đ (ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Tổng cộng: 48.719.732đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Phạm Anh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/05/2026 là 48.719.732đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Trong đó: nợ gốc: 11.721.246đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng). Lãi quá hạn : 36.998.486đ (ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

2. Bà Nguyễn Phạm Anh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/05/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Phạm Anh T vắng mặt nhưng có lời trình bày như sau:

Bà T thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP S và còn nợ lại số tiền gốc là 11.721.146đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Bà T không có yêu cầu độc lập cũng như tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hiện tại bản thân bà T không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn, hiện phải nuôi con nhỏ vì vậy đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm phần lãi phát sinh tạo điều kiện cho bà T thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực T - An Giang phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu, thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã giao kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực T – An Giang giải quyết buộc bà Nguyễn Phạm Anh T trả nợ vay, bà T có địa chỉ đăng ký thường trú ấp K, xã G, tỉnh An Giang căn cứ quy khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực T – An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức của hợp đồng: Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: 28/11/2018, bà Nguyễn Phạm Anh T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2] Về quá trình thực hiện Hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Phạm Anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Tạm tính đến ngày 07/5/2026, bà Nguyễn Phạm Anh T còn nợ Ngân hàng số tiền: 48.719.732đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Trong đó: nợ gốc: 11.721.246đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng). Lãi quá hạn : 36.998.486đ (ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện để yêu cầu bà Nguyễn Phạm Anh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi là đúng theo quy định tại Điều 18, Điều

19, Điều 22 và Điều 23 của bản Điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

[2.3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, nợ lãi quá hạn:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bảng tóm tắt sao kê, đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Phạm Anh T còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 07/5/2026 số tiền: 48.719.732đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc: 11.721.246đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng). Lãi quá hạn : 36.998.486đ (ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Căn cứ vào Điều 18, Điều 19, Điều 22 và Điều 23 của bản Điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng có quyền yêu cầu chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản dư nợ thẻ. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm như trên là có cơ sở chấp nhận

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu kể từ ngày 08/5/2026, bà Nguyễn Phạm Anh T còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Xét yêu cầu trên của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Phù hợp với hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về án phí:

Do bà Nguyễn Phạm Anh T có nghĩa vụ trả tiền nên phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xú:

1. Buộc bà Nguyễn Phạm Anh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay tín dụng còn nợ tính đến ngày 07/5/2026 là 48.719.732đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc: 11.721.246đ (mười một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng). Lãi quá hạn: 36.998.486đ (ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 08/5/2026 bà Nguyễn Phạm Anh T còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Phạm Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 2.435.986đ (Hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 959.000đ (chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008880 ngày 16/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực T – An Giang;
- Phòng THA DS Khu vực T – An Giang ;
- Dương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giang Phước Thành